TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 95/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Châu K, sinh năm 1977; thường trú: Số B B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1975; thường trú: Số B B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lưu Châu K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà Vũ Thị N chung sống vợ chồng từ năm 2003, đến năm 2007 mới làm chứng nhận kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 35/2007, quyển số 01 ngày 16/5/2007 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình. Ông K và bà N đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn không được khắc phục. Ông K xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông và bà N sống ly thân từ năm 2017, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông K, bà N có 01 con chung tên Lưu Như N1, sinh ngày 22/7/2003, cháu N1 đã trên 18 tuổi ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Vũ Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/8/2025; tham gia phiên tòa vào ngày 17/9/2025 và ngày 29/9/2025 nhưng bà N vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông K.

Ngày 11/8/2025, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa ông K, bà N tại khu phố B 2 và được ông Hồ Thanh T – Trưởng khu phố cung cấp như sau: Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, ông K, bà N không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thì vấn đề mâu thuẫn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn thì ông không rõ vì không có thông tin cung cấp cũng như người dân phản ánh. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn ông Lưu Châu K khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con". Bị đơn bà Vũ Thị N có địa chỉ tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Lưu Châu K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; bị đơn bà Vũ Thị N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ các Điều 207, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà N có chứng nhận kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 35/2007, quyển số 01 ngày 16/5/2007 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương) nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông K xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra tranh cãi. Ông K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà N.

Xét, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích trên vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Ông K xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà N đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không thể hiện ý muốn hòa giải đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông K, bà N thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông K yêu cầu được ly hôn với bà N là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông K và bà N có 01 con chung tên Lưu Như N1, sinh ngày 22/7/2003, cháu N1 đã trên 18 tuổi. Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung (nợ): Ông K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh. Có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Châu K về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" đối với bị đơn bà Vũ Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Châu K được ly hôn với bà Vũ Thị N (giấy chứng nhận kết hôn số 35/2007, quyển số 01 do UBND xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 16/5/2007).

Về nuôi con chung: Con chung tên Lưu Như N1, sinh ngày 22/7/2003 đã trên 18 tuổi. Ông K không yêu cầu giải quyết. Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Châu K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005934 ngày 28/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND KV 16, TP Hồ Chí Minh (1);
- P THADS khu vực 16 TP. Hồ Chí Minh (1)
- UBND P Thuận Giao (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: VT, HSVA (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Linh